TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CH S** **TỈNH G L**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DSST
Ngày: 26/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị H.
2. Bà Đỗ Thị G.

- ***Thư ký phiên tòa:***Bà Đinh Thị Y, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Thanh X, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần NTVN.

Địa chỉ: Số 198 Tr Qu Kh, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th, chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Tuấn A, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP NTGL. (Theo giấy ủy quyền số 213/UQ-VCB-PC ngày 12/4/2016) của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tấn Đ, Trưởng phòng giao dịch Ch S Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh G L (Theo giấy ủy quyền số 246/UQNHNTGL ngày 24/4/2018).

Địa chỉ: 804 H V, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: thôn R, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L.

(Ông H và bà Nh đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Theo hợp đồng cho vay bán lẻ số 1622/17/NHNT.CS ngày 12/12/2017 đã ký kết, ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn (13/12/2017), lãi trong hạn: 9,3%/năm, lãi quá hạn: 130% lãi suất trong hạn; mục đích vay: làm kinh tế gia đình, mua bán hàng nông sản. Nhưng ông H và bà Nh không có giấy phép đăng ký kinh doanh.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 12/12A/NHNT ngày 12/12/2017, ông H và bà Nh đã thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay trên gồm: Một (01) lô đất và toàn bộ tài sản trên đất tại tờ bản đồ số 31, thửa số 10 tại thôn R, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345591 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 03/3/2009.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông H và bà Nh đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ gốc và nợ lãi, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn và mời ông bà đến Ngân hàng làm việc nhưng ông, bà không phối hợp với Ngân hàng để thanh toán nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà Nh phải thanh toán số nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi còn nợ là 8.140.685đồng (tạm tính đến ngày 26/9/2018), sau khi đã trừ đi số tiền lãi ông H và bà Nh đã trả cho Ngân hàng trước đây là 2.866.438đ. Trường hợp ông H và bà Nh không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị phát mãi toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông bà đều vắng mặt, không có lời khai, không tham gia hòa giải mà không có lý do. Ông H và bà Nh không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Ch S: Về việc tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Đối với bị đơn ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN thông qua Phòng giao dịch Ch S Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN - Chi nhánh G L số tiền

nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 26/9/2018 là 158.140.685đ (trong đó nợ gốc 150.000.000đ, nợ lãi 8.140.685đ).

Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345591 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 03/3/2009 cho ông H và bà Nh khi ông bà thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông H và bà Nh không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông H và bà Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]Ngày 24/4/2018, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh thanh toán số tiền gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi 8.140.685đồng (tạm tính đến ngày 26/9/2018), sau khi đã trừ đi số tiền lãi mà ông H và bà Nh đã trả là 2.866.438đ. Ông H và bà Nh có địa chỉ tại làng R, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L. Phía nguyên đơn và phía bị đơn đều không cung cấp được giấy phép đăng ký kinh doanh của phía bị đơn. Đồng thời, tại công văn số 140/CV-TCKH ngày 21/9/2018, Phòng tài chính- Kế hoạch huyện Ch S cung cấp: Qua rà soát thông tin trong danh sách theo dõi các hộ kinh doanh tại Phòng tài chính-Kế hoạch, không có thông tin về hộ kinh doanh Trương Quốc H và Nguyễn Thị Nh. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

[2]Mặt khác, Hợp đồng cho vay bán lẻ số 1622/17/NHNT.CS ngày 12/12/2017 là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả nợ Ngân hàng đã thông báo nhiều lần, nhưng ông H và bà Nh vẫn không trả nợ gốc và lãi. Sau thời hạn cam kết trả nợ, Ngân hàng mới khởi kiện đòi lại số tiền cho vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]Quá trình chuẩn bị xét xử ,Toà án đã thực hiện nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng phía bị đơn là ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh vẫn cố tình không đến Toà án để giải quyết vụ án. Xét thấy việc chấp hành pháp luật của ông H và bà Nh như vậy là không nghiêm túc thể hiện thái độ coi thường pháp luật, ý thức không tôn trọng pháp luật của một công dân trong xã hội. Do ông H và bà Nh không đến Toà án nên không lấy lời khai, không tiến hành hoà giải được và Toà án đưa vụ án ra xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời phía bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định.

Về nội dung: Xét yêu cầu đòi 150.000.000 đồng và nợ lãi 8.140.685 đồng (tạm tính đến ngày 26/9/2018) và trường hợp ông H và bà Nh không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn thấy:

[4]Trước hết, xét về hiệu lực của hợp đồng và số tiền phải trả: Đây là loại hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/12A/NHNT ngày 12/12/2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Chư Sê và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G L – Chi nhánh huyện Ch S vào ngày 13/12/2017. Khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, do đó, hợp đồng có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

Theo Hợp đồng cho vay bán lẻ số 1622/17/NHNT.CS ngày 12/12/2017, ông H và bà Nh vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn (13/12/2017), ngày đến hạn 14/11/2018, lãi trong hạn: 9,3%/năm, lãi quá hạn: 130% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, thời gian từ ngày 13/12/2017 đến ngày 25/02/2018, ông H và bà Nh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán lãi theo thỏa thuận đã cam kết; Tuy nhiên, từ ngày 26/02/2018 cho đến nay, ông H và bà Nh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo yêu cầu trả lãi nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận. Cụ thể:

Đối với khoản nợ gốc: Theo Hợp đồng trên và giấy nhận nợ kèm theo, ông H và bà Nh vay của Ngân hàng 150.000.000 đồng vào ngày 13/12/2017. Từ đó đến nay, ông H và bà Nh chưa thanh toán khoản nợ gốc nào cho Ngân hàng;

Đối với số nợ lãi: Theo thỏa thuận giữa các bên, ông H và bà Nh phải thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng vào ngày 26 hàng tháng và thời hạn trả lãi tối đa là 06 ngày kể từ ngày tính lãi, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng Ngân hàng chưa chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn.

Theo thỏa thuận,lãi trong hạn: 9,3%/năm, lãi quá hạn: 130% lãi trong hạn, lãi suất cho vay không thay đổi trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn (13/12/2017), ngày đến hạn 14/11/2018. Do đó, từ ngày 13/12/2017 đến ngày 14/11/2018 tính lãi trong hạn, từ ngày 15/11/2018 cho đến ngày 26/9/2018 tính lãi quá hạn. Trên cơ sở lời khai, bản kê tính lãi và sao kê tài khoản do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thì lãi trong hạn là 11.007.123đ, lãi quá hạn là 0đ, tổng cộng lãi tạm tính đến ngày 26/9/2018 là 11.007.123đ, nhưng ông H và bà Nh đã trả cho Ngân hàng được 2.866.438đ tiền lãi. Như vậy, ông H và bà Nh còn nợ Ngân hàng tiền lãi là: 8.140.685 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không phản đối các yêu cầu này của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa khẳng định phía bị

đơn có nợ nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền vốn vay và nợ lãi 8.140.685 đồng (Lãi tạm tính đến ngày 26/9/2018).

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H và bà Nh phải trả cho ngân hàng số nợ gốc: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi còn lại là 8.140.685 đồng (Lãi tạm tính đến ngày 26/9/2018).

Trường hợp ông H và bà Nh không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[5]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông H và bà Nh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN thông qua phòng giao dịch Ch S Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN – Chi nhánh G L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 70; 91; 92; 144; 147; 207; 208; 227; 228; 235; 264; 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116; 117; 274; 275; 280; 357; 401; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự và các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần NTVN và xử:

1. Buộc ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN thông qua Phòng giao dịch Ch S Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN - Chi nhánh G L tổng số nợ là: 158.140.685 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), (trong đó nợ gốc: 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 8.140.685 đồng, lãi quá hạn 0 đồng, tạm tính đến ngày 26/9/2018).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.Ngân hàng Thương mại Cổ phần NTVN thông qua phòng giao dịch Ch S Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN - Chi nhánh G L có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345591 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày

03/3/2009 cho ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh khi ông bà thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

4.Trường hợp ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông H và bà Nh đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/12A/NHNT ngày 12/12/2017, gồm: Một (01) lô đất và toàn bộ tài sản trên đất tại tờ bản đồ số 31, thửa số 10 tại thôn R, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345591 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 03/3/2009 để thu hồi nợ.

5. Về án phí: Buộc ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Nh phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 7.907.034 đồng = (158.140.685đ x 5%) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN thông qua phòng giao dịch Ch S Ngân hàng Thương mại cổ phần NTVN - Chi nhánh G L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.799.684đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng) theo biên lai thu tiền số 0007464 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2018); Bị đơn ông H và bà Nh vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND (02 bản);
- Chi cục THADS (01 bản);
- PGĐKT Toà án tỉnh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu cơ quan (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình H